

# **KHUNG CHƯƠNG TRÌNH BỔ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHÍNH KHOÁ CỦA TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ PSE ĐÃ ĐƯỢC KIỂM DUYỆT**

## **KHUNG CHƯƠNG TRÌNH BỔ TRỢ MÔN TIẾNG ANH LỚP 1 THEO BỘ SÁCH TIẾNG ANH 1 – I LEARN SMART START (01 TIẾT/ TUẦN)**

### **1. Mục tiêu chung**

Chương trình bổ trợ môn Tiếng Anh 1 – I LEARN SMART START giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp bằng Tiếng Anh thông qua việc củng cố và mở rộng vốn từ vựng, cấu trúc câu và thực hành kỹ năng nghe, nói. Chương trình được biên soạn dựa trên thực tiễn của việc dạy và học Tiếng Anh tiểu học ở địa phương; nội dung bám sát các chủ đề quen thuộc trong sách giáo khoa chính khóa. Học sinh được luyện tập kỹ năng nói thông qua việc nghe, nói; thực hành hỏi và trả lời trực tiếp với giáo viên bản ngữ và thực hiện việc giao tiếp với bạn cùng học. Từ đó, phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Hoàn thành chương trình này, học sinh có thể:

#### **a. Về kiến thức ngôn ngữ:**

- Nắm vững nền tảng kiến thức tiếng Anh cơ bản.
- Sử dụng các từ vựng và cấu trúc câu đã được bổ sung để xây dựng thành các câu đầy đủ.

#### **b. Về kỹ năng nghe:**

- Hình thành phản xạ nghe ở mức đơn giản.
- Trau dồi kỹ năng nghe cơ bản như nghe tìm ý chính, tìm từ khoá, nghe tìm đáp án đúng cho từng tình huống cụ thể.

#### **c. Về kỹ năng nói:**

- Bước đầu giúp học sinh có khả năng giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh, tạo nền tảng vững chắc cho các bậc học tiếp theo.
- Có khả năng phản ứng nhanh trong các tình huống giao tiếp thông thường.

### **3. Nội dung chi tiết chương trình:**

- Tổng số tiết: 35 tiết; thời gian mỗi tiết học: 40 phút
- Học kỳ I: 18 tiết
- Học kỳ II: 17 tiết
- Phần không in nghiêng (Review): Kiến thức ôn luyện
- Phần in nghiêng (Expand): Kiến thức mới

Unit	Tiết	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
<b>Getting started</b>	1	<b>Speaking:</b> Greet and practice some basic classroom language	<b>Vocabulary:</b> - <i>Hi. I'm .....</i> - <i>Goodbye.</i> - <i>Listen.</i> - <i>Point.</i>
<b>1. Family</b>	2	<b>Speaking:</b> Introduce family members	<b>Vocabulary:</b> <i>brother, sister, dad, mom</i> <b>Structure:</b> - This is my <u>brother</u> .
	3	<b>Speaking:</b> Introduce family members	<b>Vocabulary:</b> <i>dad, mom, grandpa, grandma</i> <b>Structure:</b> - This is my <u>grandpa</u>
	4	<b>Speaking:</b> Pronounce the letters Aa, Bb	<b>Pronunciation:</b> Phonics: Aa, Bb <b>Vocabulary:</b> - letter: Aa, Bb - <i>ant, apple, boy, ball, bee</i> <b>Structure:</b> - This is a/an <u>ant</u> .
<b>2. School</b>	5	<b>Speaking:</b> Talk about school things	<b>Vocabulary:</b> <i>pencil, book, bag, ruler, crayon</i> <b>Structure:</b> This is my <u>pencil</u> .
	6	<b>Speaking:</b> Talk about school things	<b>Vocabulary:</b> <i>bag, ruler, crayon, notebook, rubber</i> <b>Structure:</b> - What's it? - It's a <u>notebook</u> .
	7	<b>Speaking:</b> Pronounce the letters Cc, Dd	<b>Pronunciation:</b> Phonics: Cc, Dd <b>Vocabulary:</b> - letter: Cc, Dd - <i>cap, crayon, door, desk</i> <b>Structure:</b> - Look! A <u>cap</u> .

<b>3. Colors</b>	8	<b>Speaking:</b> Talk about colors	<b>Vocabulary:</b> <i>black, green</i> pen, pencil, book, ruler <b>Structure:</b> <i>It's a <u>black pen</u>.</i>
	9	<b>Speaking:</b> Describe something's color	<b>Vocabulary:</b> <i>orange, brown</i> rubber, pencil case, crayon <b>Structure:</b> <i>I have a/an orange rubber.</i>
<b>Review 1</b>	10	<b>Speaking:</b> Practise listening and speaking the words and the structures from Unit 1 to Unit 3	Reinforce the content from session 1 to session 9.
<b>4. My body</b>	11	<b>Speaking:</b> Recognize parts of the human body	<b>Vocabulary:</b> head, leg, <i>arm, shoulder, knee</i> . <b>Structure:</b> Touch your (head).
	12	<b>Speaking:</b> Practice speaking letters Aa to Dd	<b>Pronunciation:</b> Phonics: Aa, Bb, Cc, Dd <b>Vocabulary:</b> Review letters: Aa, Bb, Cc, Dd Review words: apple, ball, bee, bag, crayon, desk
	13	<b>Speaking:</b> Pronounce the letters Ee, Ff	<b>Pronunciation:</b> Phonics: /e/, /f/ <b>Vocabulary:</b> Letters: Ee, Ff Ee: elephant, <i>egg, elbow</i> . Ff: fish, <i>frog, fox</i> <b>Structure :</b> - This is a/an (elephant).
<b>5. Animals</b>	14	<b>Speaking:</b> Talk about animals	<b>Vocabulary:</b> cat, dog, bird, <i>monkey, snake</i> <b>Structure :</b> - I like (cats). - <i>I don't like (snakes)</i> .
		<b>Speaking:</b>	<b>Pronunciation:</b>

	15	Pronounce the letters Gg, Hh	Phonics: Gg, Hh <b>Vocabulary:</b> Letters: Gg, Hh Gg: goat, <i>grape, garden</i> Hh: hat, <i>hand, hippo, horse</i> <b>Structure :</b> - This is a (goat).
	16	<b>Speaking:</b> Introduce some animals.	<b>Vocabulary:</b> monkey, snake, <i>bear, mouse, lion</i> <b>Structure:</b> - This is a (monkey).
<b>Review 2</b>	17	<b>Speaking:</b> Practise listening and speaking the words and structures from Unit 1 to Unit 5	Reinforce the content from session 1 to session 16.
<b>Test</b>	18	<b>THE FIRST -TERM TEST</b> Test the content of lessons 1 to 17, including reading, writing, listening and speaking skills	
<b>6. Activities</b>	19	<b>Speaking:</b> Talk about what someone can't do	<b>Vocabulary:</b> sing, run, <i>cook, play football</i> <b>Structure:</b> - I can (sing).
	20	<b>Speaking:</b> Ask and answer whether someone can do something	<b>Vocabulary:</b> football, <i>chess, tennis, badminton</i> <b>Structure:</b> - <i>Can you play (football)?</i> - <i>Yes, I can./ No, I can't.</i>
	21	<b>Speaking:</b> Talk about what someone can't do	<b>Vocabulary:</b> swim, <i>drive, dance, fly</i> <b>Structure:</b> <i>I can't (swim).</i>
<b>7. Numbers</b>	22	<b>Speaking:</b> Count numbers 1 to 5	<b>Vocabulary:</b> one, two, three, <i>four, five.</i>
	23	<b>Speaking:</b> Pronounce letters Ii and Jj	<b>Pronunciation:</b> Phonics: Ii, Jj <b>Vocabulary:</b> insect, ink, <i>igloo, juice, jelly, jam</i>

			<b>Structure</b> There is an (insect). <i>There is some (juice).</i>
	24	<b>Speaking:</b> Ask and answer about someone's age	<b>Vocabulary:</b> six, seven, eight, <i>nine, ten.</i> <b>Structure:</b> How old are you? I'm six.
<b>8. Food</b>	25	<b>Speaking:</b> Talk about food	<b>Vocabulary:</b> banana, cookie, <i>cake, candy</i> <b>Structure:</b> I want <i>(a cookie)</i> .
	26	<b>Speaking:</b> Pronounce letters Kk, Ll and words that relate to sounds.	<b>Vocabulary</b> Letter Kk, Ll. kite, <i>key, kitten, leaf, lemon</i> <b>Structure:</b> - <i>That is a (kite).</i>
	27	<b>Speaking:</b> Talk about food someone likes	<b>Vocabulary</b> sandwich, <i>pizza, ice - cream, bread</i> <b>Structure:</b> - I like (sandwich).
<b>9. Toys</b>	28	<b>Speaking:</b> Talk about toys	<b>Vocabulary:</b> car, ball, <i>doll, robot, plane</i> <b>Structure:</b> <i>I have a (car).</i>
	29	<b>Speaking:</b> Pronounce letter Mm	<b>Pronunciation:</b> Phonics: Mm <b>Vocabulary:</b> Letter Mm. <i>mouse, monkey, mango, moon</i> <b>Structure:</b> <i>I can see a/the (mouse).</i>
	30	<b>Speaking:</b> Ask and answer about quantity of toys	<b>Vocabulary:</b> car, robot, <i>dice, truck, marble</i> <b>Structure:</b> <i>How many (cars)?</i> <i>(Seven) cars.</i>
		<b>Speaking</b>	<b>Vocabulary:</b>

<b>10. My house</b>	31	Talk about rooms in the house.	living room, <i>kitchen, bedroom, bathroom</i> <b>Structure</b> <i>This is my/the (living room)</i>
	32	<b>Speaking</b> Talk about things in the room	<b>Vocabulary</b> living room, bedroom <i>bed, chair, table, TV</i> <b>Structure</b> - There is a <u>TV</u> in the <u>living room</u> .
	33	<b>Speaking</b> Talk about things in the room	<b>Vocabulary</b> kitchen, bathroom, <i>mirror, fan, cupboard, stove</i> <b>Structure</b> - There is a <u>mirror</u> in the <u>bathroom</u> .
<b>Review 3</b>	34	<b>Speaking:</b> Practise listening and speaking the words and structures from Unit 6 to Unit 10	Reinforce the content from session 19 to session 33.
<b>Final test</b>	35	<b>THE FINAL TEST</b> Test the content of lessons 19 to 33, including reading, writing, listening and speaking skills	